

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HSST

Ngày: 27/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Duyên

2. Bà Bùi Thị Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2023/HSST ngày 06/3/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST- HS ngày 16/3/2023 đối với:

1. Bị cáo **Phạm Thế M** sinh ngày 25/5/2006 tại tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thế S và bà Phạm Thị L;

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Thế M

1. Ông Phạm Thế S, sinh năm 1975 (là bố của bị cáo), có mặt.

2. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1974 (là mẹ của bị cáo), có mặt.

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thế M :

Bà Trần Thị Hà P - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình, có mặt.

2. Bị hại:

- Bà Phạm Thị G, sinh năm 1955, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

3. Người làm chứng:

Bà Phạm Thị L, sinh năm 1974, có mặt

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 10/12/2022, bị cáo M được mẹ là bà L đưa cho 30.000 đồng bảo đến nhà bà G để mua thuốc trừ sâu và đạm. Bị cáo đi xe đạp điện của bà L đến nhà bà G hỏi mua thuốc trừ sâu và đạm, bà G lấy thuốc trừ sâu và đạm bán cho bị cáo. Khi bà G đi vào buồng ngủ lấy tiền trả lại cho bị cáo, bị cáo đi theo và thấy bà G lấy tiền ở chiếc túi da màu nâu để ở đầu giường ngủ, bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm tiền của bà G để mua điện thoại. Sau khi nhận lại tiền trả lại từ bà G, bị cáo mang tiền, thuốc trừ sâu và đạm về đưa cho bà L rồi đi bộ quay lại nhà bà G. Bị cáo thấy cổng nhà bà G mở, cửa nhà khép, không có người, bị cáo đi vào mở cửa phòng khách rồi tiếp tục mở cửa phòng ngủ nhà bà G đi vào trong. Bị cáo phát hiện thấy có 01 chiếc túi da màu nâu để ở đầu giường, bị cáo đi lại mở các ngăn khóa túi ra thấy có tiền ở bên trong. Bị cáo lấy toàn bộ số tiền ở bên trong túi cho vào túi quần đang mặc rồi đi bộ về nhà. Về đến nhà bị cáo đi vào phòng ngủ bỏ số tiền trộm cắp ra đếm được 3.090.000 đồng gồm các loại tiền mệnh giá 100.000đồng, 50.000đồng, 20.000 đồng và 10.000 đồng. Bị cáo giấu toàn bộ số tiền trộm cắp được ở dưới đệm trên giường. Ngày 16/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương triệu tập bị cáo đến trụ sở làm việc. Bị cáo đã khai toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và tự nguyện giao nộp số tiền 3.090.000 đồng đã trộm cắp của bà G. Ngày 16/01/2023, bà L đại diện cho bị cáo đã khắc phục trả bà G số tiền 3.090.000đồng. Bà G đã nhận số tiền trên, không có yêu cầu gì khác và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kết luận giám định số 200/KL - KTHS(ĐT) ngày 12/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh của 01 (một) tệp tin video gửi giám định. Hình ảnh những người di chuyển qua lại trong tầm ghi nhận của camera được trích xuất thể hiện trong Phụ lục kèm theo Kết luận giám định. Kèm theo Kết luận giám định: 01 phụ lục gồm 04 trang A4.

Kết luận giám định số 266/KL - KTHS(TL) ngày 09/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: 129 tờ tiền gửi giám định là tiền thật.

Vật chứng của vụ án:

- 01 túi da màu nâu, dạng khóa kéo, có dây đeo màu tím, túi da có 02 ngăn khóa kéo đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương trả lại cho bà G ngày 09/02/2023.

- Số tiền 3.090.000 đồng chuyển Chi cục thi hành án dân sự quản lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bà G đã nhận lại số tiền 3.090.000 đồng và không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự.

- Tại bản Cáo trạng số 09/CT -VKSX ngày 06/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Phạm Thế M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thế M phạm tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 36, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo M mức án từ tháng 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo M;

Về trách nhiệm dân sự: Bà G đã nhận lại số tiền 3.090.000 đồng và không yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Trả lại số tiền 3.090.000 đồng cho bà L.

Tại phiên tòa bị cáo M không tranh luận gì và đề nghị HĐXX xử phạt cải tạo không giam giữ.

Người bào chữa cho bị cáo M có quan điểm: việc bị cáo M phạm tội xuất phát từ nguyên nhân suy nghĩ nhất thời bột phát; phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên chưa nhận thức được đầy đủ và đúng đắn về đời sống xã hội cũng như chưa hiểu biết về pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 36, điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo M hình phạt cải tạo không giam giữ, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù

hợp với đơn trình báo và lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường; Biên bản làm việc + biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 10/12/2022, Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử + Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 16/12/2022, kết luận giám định số 266/KL-KTHS(TL) ngày 09/01/2023, kết luận giám định số 200/ KL-KTHS(ĐT) ngày 12/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Vì vậy có đủ căn cứ xác định: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 10/12/2022, bị cáo Phạm Thế M đã lợi dụng sơ hở, trộm cắp số tiền 3.090.000 đồng tại phòng ngủ của bà Phạm Thị G.

Hội đồng xét xử kết luận: bị cáo Phạm Thế M phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[4] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự công cộng, trật tự pháp luật và gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút vào tận phòng ngủ nhà bà G trộm cắp tiền mua điện thoại. Mặc dù ý thức được hành vi đó là vi phạm pháp luật song các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy cần phải xử phạt mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, phòng ngừa và răn đe tội phạm nói chung.

[5] Xét về nguyên nhân, điều kiện phạm tội thì thấy: bị cáo phạm tội là do thiếu ý thức rèn luyện, suy nghĩ nhất thời bột phát, ham chơi, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Vì vậy cũng cần xem xét đến những yếu tố này để lượng hình cho phù hợp.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội nhưng gây hậu quả không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt - đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại thời điểm phạm tội bị cáo M mới được 17 năm 06 tháng 15 ngày nên áp dụng quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của BLHS để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Mặt khác xét nhân thân bị cáo M chưa có tiền án, tiền sự, ngoài hành vi phạm tội lần này không có vi phạm pháp luật nào khác, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc để bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Xét thấy, cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo và sửa chữa sai lầm, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội là phù hợp với quy định của pháp luật, chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[5] Bị cáo M phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi thì không khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 100 Bộ luật hình sự

[6] Về trách nhiệm dân sự

Xét thấy, bà Phạm Thị L là người đại diện hợp pháp của bị cáo đã trả số tiền 3.090.000 đồng cho bà G và bà G không yêu cầu gì khác nên Tòa án không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo với bị hại.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 túi da màu nâu, dạng khóa kéo, có dây đeo màu tím, túi da có 02 ngăn khóa kéo đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương trả lại cho bà G ngày 09/02/2023 nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Số tiền 3.090.000 đồng bị cáo chiếm đoạt được trả lại cho bà G theo quy định tại khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nhưng ngày 16/01/2023, bà L đã trả số tiền 3.090.000 đồng cho bà G nên số tiền 3.090.000 đồng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra quản lý của bị cáo được trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà L.

[8] Về án phí: Bị cáo M phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 36, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự ; Điều 106, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thế M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Thế M 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Kiến Xương ấn định thời gian người chấp hành án có mặt tại UBND xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương và cam kết chấp hành án, lập hồ sơ thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Thế M cho Ủy ban nhân dân xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại bà Phạm Thị L số tiền 3.090.000đồng trong phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, mặt trước ghi: “ hoàn trả mẫu vật tiền giám định...”

(theo Biên bản giao nhận vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương lập ngày 10/3/2023).

4. Án phí: Bị cáo Phạm Thế M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- VKSND, CA huyện KX;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THA h. Kiến Xương
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân
- Hội thẩm nhân dân:
- + Ông Nguyễn Đức Bường - Phó giám đốc Trung tâm văn hóa huyện Kiến Xương.
- + Bà Đoàn Thị Mên - Thường trực Hội luật gia huyện Kiến Xương.

Căn cứ vào Điều 199 và 222 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vào hồi 10 giờ 40 phút ngày 12 tháng 5 năm 2017, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: Lương Văn Đạt bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố: Lương Văn Đạt phạm tội "Trộm cắp tài sản".
- Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.
- Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về mức hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lương Văn Đạt 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ bắt đi thi hành án.
- Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về các vấn đề khác:

4.1 - Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Đạt 460.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

4.2- Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Lương Văn Đạt phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4.3 - Về quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4.5 - Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản lập xong. Hội đồng xét xử đã thống nhất thông qua và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

